

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MẠNG TIN MỚI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MẠNG TIN MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWS NETWORK COMMUNICATIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NETMTM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107363704

3. Ngày thành lập: 21/03/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà A60, TT5, khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912565552

Fax:

Email: vungochuong@gmail.com

Website: mangtinmoi.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
3.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh ; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác ; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm ; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp ; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá ; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm ;	2393
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
10.	Đúc sắt, thép	2431
11.	Đúc kim loại màu	2432
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
14.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
15.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
16.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi. (chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	0722
17.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
18.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
19.	Khai thác muối	0893
20.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
21.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
22.	In ấn	1811
23.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
33.	Xuất bản phần mềm	5820
34.	Lập trình máy vi tính	6201

35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	6209
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
37.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí và các hoạt động Nhà nước cấm)	6312(Chính)
38.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3600
41.	Thoát nước và xử lý nước thải (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3700
42.	Thu gom rác thải không độc hại (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3811
43.	Thu gom rác thải độc hại (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3812
44.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3821
45.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3822
46.	Tái chế phế liệu (trừ loại Nhà nước cấm)	3830
47.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	3900
48.	Xây dựng nhà các loại	4100
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đập, cống, xây dựng đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời	4290
50.	Phá dỡ	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của các tòa nhà, thử độ ẩm, thử nước, chôn chân trụ, uốn thép, xây gạch, đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà, dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng bề mặt; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
57.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới; (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	4610
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
60.	Bán buôn gạo	4631
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hàng hải;	4659
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý và đá bán quý;	4773
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
66.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
68.	Giáo dục mầm non	8510
69.	Giáo dục tiểu học	8520
70.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
71.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
72.	Đào tạo cao đẳng	8541
73.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
74.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
75.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

76.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
77.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	8560
78.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật)	7020
79.	Quảng cáo	7310
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	7320
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
82.	Cho thuê xe có động cơ	7710
83.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
84.	Đại lý du lịch	7911
85.	Điều hành tua du lịch	7912
86.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
87.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	8110
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	8211
90.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ NGỌC CHUÔNG	Số 23 phố Kim Hoa, tổ 3, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	160.000.000	80,000	022081000043	
2	CAO CHÍ DŨNG	Số 6 ngõ 814 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	40.000.000	20,000	013071678	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ NGỌC CHUÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022081000043

Ngày cấp: 24/09/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23 phố Kim Hoa, tổ 3, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà A60, TT5, khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội